

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản
kết cấu hạ tầng thủy lợi**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi.
2. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau đây gọi là cơ quan được giao quản lý tài sản).
3. Doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sau đây gọi là đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi).
4. Tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả đất gắn với công trình thủy lợi) do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công bao gồm: Đập (đập thủy lợi và các công trình phụ trợ gắn liền với đập thủy lợi), hồ chứa nước (gồm đập tạo hồ, tràn, cống, lòng hồ, cống lấy nước, cống xả đáy...), cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi (Nhà, trạm, đường quản lý, thiết bị quan trắc, kho, bãi vật tư, cột mốc chỉ giới, biển báo).

2. Công trình phụ trợ là công trình phục vụ quản lý, khai thác và bảo vệ không gắn liền với công trình thủy lợi bao gồm: Nhà, trạm, đường quản lý, thiết bị quan trắc, kho, bãi vật tư, cột mốc chỉ giới, biển báo.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi (sau đây gọi là cơ quan được giao quản lý tài sản).

4. Đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật Thủy lợi được Nhà nước giao vận hành, khai thác và bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

5. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản cho đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng kinh doanh hạ tầng thủy lợi trong một thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

6. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là việc Nhà nước chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Mọi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước với hoạt động khai thác, kinh doanh của đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.



3. Nhà nước từng bước tính đúng, tính đủ chi phí sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và thực hiện khai thác theo cơ chế thị trường.

4. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm đa dạng hóa nguồn lực để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thông kê, kê toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải đảm bảo công khai, minh bạch; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG** **VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

Mục 1 **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN HẠ TẦNG THỦY LỢI**

Điều 5. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan được giao quản lý tài sản như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp trực tiếp quản lý;

Việc xác định tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Trình tự, thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hiện có) hoặc 30 ngày kể từ ngày tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng

(đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng, mua sắm mới), cơ quan được giao quản lý tài sản chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thành việc rà soát, phân loại, lập phương án giao tài sản báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp phương án giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Hồ sơ đề nghị giao tài sản gồm:

- Văn bản đề nghị giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trong đó xác định rõ đối tượng được giao quản lý tài sản): 01 bản chính;
- Biên bản rà soát, phân loại tài sản hoặc biên bản bàn giao tài sản đưa vào sử dụng: 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị giao quản lý (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan đến tài sản đề nghị giao quản lý: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp ban hành quyết định giao tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản quản lý theo quy định. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao quản lý tài sản gồm:

- Tên cơ quan được giao quản lý tài sản;
- Danh mục tài sản giao quản lý (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giao tài sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSTL-BB ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện như sau:

- Đối với tài sản do cơ quan được giao quản lý tài sản đang quản lý thì tiếp tục thực hiện quản lý theo quy định;
- Đối với tài sản do cơ quan, đơn vị khác đang quản lý thì thực hiện bàn giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản.

Điều 6. Giao khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho đối tượng khai thác như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là công trình thủy lợi lớn, công trình quan trọng đặc biệt được giao cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi để khai thác theo các phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ và các phương thức khác quy định tại Nghị định này;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản này được giao cho đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để khai thác theo các phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng và các phương thức khác quy định tại Nghị định này.

2. Việc xác định tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là công trình thủy lợi lớn, công trình quan trọng đặc biệt giao cho doanh nghiệp quản lý, khai thác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Việc giao quản lý tài sản, quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được sử dụng đúng mục đích và đảm bảo yêu cầu về tưới, tiêu thoát nước.

2. Khi sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vào cung cấp sản phẩm, dịch vụ có mục đích kinh doanh không được ảnh hưởng đến hoạt động tưới, tiêu thoát nước và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Mục 2

HỒ SƠ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 9. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản chịu trách nhiệm lập hồ sơ về tài sản thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt được giao cho doanh nghiệp quản lý, khai thác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi thì doanh nghiệp có trách nhiệm lập hồ sơ về tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan được giao quản lý tài sản.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tài sản thuộc phạm vi quản lý và thực hiện chế độ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này.

Điều 10. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản là cơ quan thực hiện mở sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao quản lý theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đang sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

- Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì sử dụng giá trị đã có để ghi sổ kế toán;

- Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa có thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản thì xác định theo giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trên cơ sở giá trị của công trình có cấp kỹ thuật tương đương;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoàn thành (đầu tư xây dựng mới), đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì giá trị ghi sổ kế toán là giá trị quyết toán được phê duyệt;

c) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong quá trình quản lý, sử dụng được nâng cấp, mở rộng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì giá trị quyết toán của dự án được hạch toán tăng giá trị tài sản;

d) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng mới, hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau: Giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị dự toán Dự án đã được phê duyệt. Khi có quyết toán được phê duyệt, cơ quan kế toán phải thực hiện điều chỉnh giá trị đã hạch toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ kế toán, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Mục 3 **BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

Điều 11. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được bảo trì theo tiêu chuẩn, định mức và quy trình kỹ thuật nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng.

2. Nội dung bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa (thường xuyên, định kỳ) tài sản nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

3. Việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải thực hiện theo đúng định mức kinh tế kỹ thuật và quy trình bảo trì kỹ thuật, quản lý quy định tại điểm b và điểm h khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi.

4. Định kỳ, cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập Danh mục và kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối với tài sản thuộc trung ương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với tài sản thuộc địa phương quản lý và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm trên Trang thông tin điện tử của cơ quan được giao quản lý tài sản. Danh mục và kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- b) Khối lượng công việc cần thực hiện; đơn giá cho từng khối lượng công việc; tổng kinh phí; nguồn kinh phí; phương thức nghiệm thu và thanh toán;
- c) Cơ chế ưu đãi (nếu có) áp dụng cho tổ chức, cá nhân được giao bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- d) Những nội dung khác có liên quan.

Điều 12. Các hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Bảo trì theo chất lượng thực hiện

a) Bảo trì theo chất lượng thực hiện là việc Nhà nước giao khoán cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chuẩn chất lượng được xác định trong một thời gian với một số tiền nhất định được quy định tại Hợp đồng kinh tế;

b) Bảo trì theo chất lượng thực hiện áp dụng đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xác định cụ thể đơn giá bảo dưỡng thường xuyên cho từng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi được giao quản lý; trình cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp tổ chức đấu thầu để lựa chọn doanh nghiệp thực hiện bảo trì thì giá này là giá gói thầu;

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo dưỡng thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo chất lượng thực hiện.

2. Bảo trì theo khối lượng thực tế

a) Bảo trì theo khối lượng thực tế tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là việc Nhà nước giao cho doanh nghiệp thực hiện việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và thực hiện thanh toán cho doanh nghiệp theo khối lượng công việc thực tế đã thực hiện;

b) Việc bảo trì theo khối lượng thực tế áp dụng đối với hoạt động sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

Điều 13. Lựa chọn tổ chức, cá nhân bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Cơ quan được giao quản lý tài sản thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao cho doanh nghiệp nhà nước quản lý, khai thác theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi thì doanh nghiệp nhà nước tự thực hiện bảo trì hoặc thuê tổ chức, cá nhân thực hiện bảo trì theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trừ trường hợp Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc giao việc bảo trì cho nhà thầu thi công theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật thì việc bảo trì thực hiện theo Hợp đồng ký kết.

Điều 14. Kinh phí thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được bố trí từ nguồn thu khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan được giao quản lý tài sản theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn mà theo Hợp đồng chuyển nhượng doanh nghiệp nhận chuyển nhượng phải chịu trách nhiệm thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng chuyển nhượng.

2. Việc lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Mục 4 KHAI THÁC TÀI SẢN HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 15. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Các phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư xây dựng:

a) Nhà nước giao cho đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi và quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này;

b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 18 Nghị định này;

c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;

d) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào quy hoạch phát triển, kế hoạch đầu tư, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý, khả năng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và phương thức quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan được giao quản lý tài sản lập kế hoạch khai thác đối với tài sản được giao quản lý, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết hoặc chấp thuận theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn của hợp đồng ký kết. Trường hợp không đúng quy định của pháp luật thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 16. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Căn cứ vào đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản, đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi và pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ vào dự toán và giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan được giao quản lý tài sản ký hợp đồng đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

4. Việc thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo phương thức đặt hàng thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết hoặc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với trường hợp giao nhiệm vụ.

Điều 17. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

1. Việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Thủy lợi phải đảm bảo không ảnh hưởng đến nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2. Việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác được thực hiện thông qua hình thức đặt hàng của Nhà nước hoặc đấu thầu.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi và pháp luật có liên quan.

4. Việc thanh toán sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết.

Điều 18. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được áp dụng đối với tài sản không phải là công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt kết hợp phục vụ nhiệm vụ công ích, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và được thực hiện theo hình thức đấu giá.

2. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc trung ương quản lý;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

3. Trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Mẫu số 07/TSTL-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp.

Hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc trung ương quản lý, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, có ý kiến về Đề án, gửi xin ý kiến của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

- Văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bản chính;

- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản có ý kiến về:

- Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;
- Sự cần thiết, phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;
- Sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- Các nội dung trong đề án cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo cơ quan lập Đề án tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án để phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp phê duyệt Đề án hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

Cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thẩm định Đề án trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

d) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Đề án được phê duyệt, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức lựa chọn đơn vị thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về đấu giá, pháp luật chuyên ngành. Trường hợp đấu giá không thành thì tổ chức đấu giá lại. Sau 02 lần đấu giá không thành mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký tham gia đấu giá thì cơ quan được giao quản lý tài sản báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án quyết định cho tổ chức hoặc cá nhân đó thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Cơ quan được giao quản lý tài sản ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản với tổ chức hoặc cá nhân được quyền thuê. Nội dung chủ yếu của Hợp đồng gồm:

- Thông tin của bên cho thuê;
- Thông tin của bên thuê;
- Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác;

- Thời hạn cho thuê; giá cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; phương thức và thời hạn thanh toán; nguyên tắc điều chỉnh giá cho thuê; trách nhiệm bảo trì và các nội dung cần thiết khác;

- Quyền và nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm của các bên trong xử lý chấm dứt Hợp đồng trước hạn quy định tại khoản 6 Điều này và pháp luật có liên quan;

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo Hợp đồng:

a) Quyền:

- Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật và theo Hợp đồng đã ký kết;

- Quyết định phương thức, biện pháp nhằm khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có hiệu quả;

- Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; việc khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện bảo trì đảm bảo đúng yêu cầu quy định tại Hợp đồng ký kết.

b) Nghĩa vụ:

- Bảo quản tài sản thuê khai thác (bao gồm cả đất, mặt nước); không để thất thoát, để lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

- Sử dụng tài sản thuê đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn;

- Phương thức, thời hạn thanh toán tiền thuê khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Giao lại tài sản thuê trong trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm quy định trong Hợp đồng ký kết.

5. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trường hợp đơn vị thuê tự nguyện trả lại hoặc vi phạm Hợp đồng hoặc Nhà nước cần thiết phải thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi lại tài sản đang cho thuê.

Việc xử lý các quyền, nghĩa vụ (nếu có) của các bên có liên quan trong các trường hợp quy định tại khoản này được thực hiện theo Hợp đồng.

Điều 19. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được áp dụng đối với tài sản không phải là công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt kết hợp phục vụ nhiệm vụ công ích, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, cá nhân để tham gia đấu giá được quy định như sau:

a) Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực đầu tư, khai thác tài sản theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thủy lợi và pháp luật có liên quan;

b) Năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định cụ thể trong từng Hợp đồng chuyển nhượng nhưng tối đa là 50 năm.

3. Trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lập Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Mẫu số 07/TSTL-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: 01 bản chính;

- Đề án chuyển nhượng có thời hạn tài sản quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: 01 bản chính;

- Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến về Đề án, gửi xin ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan về đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Hồ sơ gửi lấy ý kiến Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan gồm:

- Văn bản lấy ý kiến (kèm theo dự thảo ý kiến của cơ quan được giao quản lý tài sản): 01 bản chính;

- Đề án chuyên nhượng có thời hạn tài sản: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung sau:

- Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ;

- Sự cần thiết, sự phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

- Sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Các nội dung trong đề án cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan lập Đề án tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt Đề án hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không phù hợp.

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt Đề án gồm:

- Văn bản đề nghị chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: 01 bản chính;

- Ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan: 01 bản sao;

- Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: 01 bản chính;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trên cơ sở hồ sơ quy định tại điểm d khoản này, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

e) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt Đề án chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật đấu giá, pháp luật chuyên ngành và ký Hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Hợp đồng chuyển nhượng gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Thông tin về bên chuyển nhượng;
- Thông tin về bên nhận chuyển nhượng;
- Danh mục tài sản chuyển nhượng;
- Thời hạn chuyển nhượng; giá chuyển nhượng; phương thức thanh toán; trách nhiệm bảo trì tài sản do bên nhận chuyển nhượng thực hiện và chi trả; hạng mục công trình dự kiến đầu tư, nâng cấp và các nội dung cần thiết khác;
- Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, đơn vị nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm thanh toán tiền chuyển nhượng cho cơ quan được giao quản lý tài sản. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền chuyển nhượng.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà đơn vị nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng đã ký kết thì cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng chuyển nhượng và chứng từ về việc nộp tiền của đơn vị nhận chuyển nhượng (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng chuyển nhượng tài sản.

4. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Quyền:

- Được sử dụng, kinh doanh tài sản theo Hợp đồng ký kết;
- Được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi của nhà nước về đầu tư xây dựng tài sản theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan;

- Được sử dụng quyền tài sản và giá trị đã nhận chuyển nhượng để huy động vốn theo quy định của pháp luật;

- Được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện đầu tư dự án theo quy hoạch, đúng tiến độ, chất lượng; bảo trì đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác tại Hợp đồng đã ký kết;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm các quy định trong Hợp đồng ký kết.

5. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trường hợp Nhà nước cần thiết phải thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì đơn vị nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm bàn giao tài sản cho Nhà nước và được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đơn vị nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị phá sản không thể thực hiện được hợp đồng đã ký kết thì doanh nghiệp có trách nhiệm bàn giao tài sản cho Nhà nước để quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này; Nhà nước không thực hiện bồi hoàn giá trị quyền khai thác tài sản trong thời gian còn lại trong trường hợp này.

Điều 20. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là khoản tiền đơn vị thuê, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được sử dụng, khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Giá cho thuê là giá thu cố định hoặc giá thu biến đổi hoặc bao gồm cả giá thu cố định và giá thu biến đổi.

a) Giá thu cố định được xác định trên cơ sở hao mòn tài sản, tiền trả nợ gốc và lãi vay (nếu có), chi phí phục vụ quản lý, khai thác tài sản;

b) Giá thu biến đổi được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm.

3. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định như sau:

a) Trường hợp giá cho thuê là giá thu cố định thì giá khởi điểm để đấu giá là giá thu cố định;

b) Trường hợp giá cho thuê là giá thu biến đổi thì giá khởi điểm để đấu giá là giá thu biến đổi;

c) Trường hợp giá cho thuê bao gồm cả giá thu cố định và giá thu biến đổi thì cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án lựa chọn giá thu cố định hoặc giá thu biến đổi để xác định giá khởi điểm để đấu giá theo nguyên tắc ưu tiên giá thu cố định khi có đầy đủ các yếu tố để xác định giá.

4. Giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định theo phương pháp so sánh, phương pháp doanh thu - chi phí.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể Điều này.

Điều 21. Khai thác quỹ đất, mặt nước để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản lập Đề án theo Mẫu số 07/TSTL-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt đối với Dự án thuộc trung ương quản lý;

b) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với Dự án thuộc địa phương quản lý.

3. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Căn cứ, sự cần thiết của Đề án;

b) Diện tích đất dự kiến khai thác;

c) Hình thức sử dụng đất;

d) Dự kiến số tiền thu được từ việc khai thác quỹ đất;

đ) Tổng mức đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng thủy lợi;

e) Các thông tin khác liên quan đến việc khai thác quỹ đất;

g) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Số tiền thu được từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan được phân chia, sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 38 Luật Thủy lợi.

Điều 23. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc khai thác;

b) Sở Tài chính đối với tài sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quyết định khai thác đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được lập dự toán và do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối với tài sản thuộc trung ương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đối với tài sản thuộc địa phương quản lý theo phân cấp gồm:

a) Chi phí kiểm kê, xác định giá, tổ chức cho thuê quyền khai thác và chi phí khác có liên quan trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan trong trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

3. Việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định Điều 31 Nghị định này.

4. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước và được sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

**Mục 5
XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

Điều 24. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Thu hồi tài sản.

2. Điều chuyển tài sản.

3. Bán tài sản.

4. Sử dụng tài sản cấu hạ tầng hạ tầng thủy lợi để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

5. Thanh lý tài sản.

6. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

7. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;

b) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai quy định;

c) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất thuộc phạm vi trung ương quản lý;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi trung ương quản lý ngoài tài sản quy định tại điểm a khoản này;

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý thuộc phạm vi địa phương quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thu hồi được xử lý theo các hình thức sau:

a) Điều chuyển theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

b) Bán theo quy định tại Điều 27 Nghị định này;

c) Giao cho đối tượng quản lý theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với tài sản thuộc trung ương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc địa phương quản lý xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gồm:

- Văn bản đề nghị trả lại tài sản của đơn vị được giao khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại) theo Mẫu số 06/TSTL-DM ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này ra quyết định thu hồi tài sản. Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi gồm:

- Tên đơn vị được giao khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có tài sản thu hồi;

- Danh mục tài sản thu hồi (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại);

- Lý do thu hồi;

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền về thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ quan được giao quản lý tài sản được giao quản lý tài sản có trách nhiệm:

- Tổ chức tiếp nhận tài sản thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này; thực hiện hoặc ủy quyền cho đối tượng có tài sản thu hồi thực hiện việc bảo quản, bảo vệ, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong thời gian chờ xử lý. Việc bàn giao tài sản thực hiện theo Mẫu số 01/TSTL-BB ban hành kèm theo Nghị định này;

- Lập phương án xử lý, khai thác tài sản thu hồi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 3 Điều này; tổ chức thực hiện xử lý, khai thác tài sản theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với trường hợp khác ngoài quy định tại khoản 4 Điều này

a) Căn cứ văn bản của cấp có thẩm quyền, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với tài sản thuộc trung ương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc địa phương quản lý xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền;

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi và trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý tài sản theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 26. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản;

b) Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

c) Trường hợp khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ cơ quan được giao quản lý tài sản sang doanh nghiệp quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa trung ương và địa phương;

c) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp điều chuyển tài sản hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gồm:

- Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, đơn vị nhận tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản) theo Mẫu số 06/TSTL-DM ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều này, trên cơ sở đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm:

- Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển;

- Cơ quan, đơn vị nhận tài sản điều chuyển;

- Danh mục tài sản điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản);

- Lý do điều chuyển;

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, đơn vị nhận tài sản có trách nhiệm:

- Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 01/TSTL-BB ban hành kèm theo Nghị định này;

- Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành;

- Thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

4. Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định. Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản trong trường hợp điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng.

Điều 27. Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản bị thu hồi, thanh lý theo quy định tại Điều 25, Điều 29 Nghị định này được xử lý theo hình thức bán tài sản;

b) Chuyển mục đích sử dụng đất gắn với chuyển đổi công năng sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy hoạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với đất thuộc trung ương quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất thuộc phạm vi quản lý;

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp phân cấp thẩm quyền bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Hình thức bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Trình tự, thủ tục bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất, mặt nước

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị bán, báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

- Văn bản đề nghị bán tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị bán tài sản của cơ quan quản lý cấp trên: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán; lý do bán; mục đích sử dụng hiện tại) theo Mẫu số 06/TSTL-DM ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Ý kiến của cơ quan chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất (trong trường hợp bán tài sản gắn với đất, mặt nước): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị bán tài sản, cấp có thẩm quyền ra quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán tài sản không phù hợp. Nội dung chủ yếu của quyết định bán tài sản gồm:

- Tên cơ quan được giao quản lý tài sản;

- Danh mục tài sản được bán (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán);

- Phương thức bán tài sản;

- Quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản;

- Trách nhiệm, thời hạn tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định bán tài sản của cấp có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện bán theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

d) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao quản lý tài sản. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm này mà người được quyền mua tài sản chưa thanh toán đủ số tiền mua tài sản, thì người được quyền mua tài sản phải nộp khoản tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trong trường hợp này, cơ quan được giao quản lý tài sản có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của người được quyền mua tài sản (nếu có) gửi Cục thuế (nơi có tài sản) để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn nộp tiền cụ thể và quy định việc nộp tiền chậm nộp phải được ghi rõ tại Quy chế bán đấu giá, Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp đã ký hợp đồng hoặc thanh toán tiền mua tài sản nhưng sau đó người mua tài sản không mua nữa thì được xử lý theo hợp đồng ký kết và pháp luật về dân sự.

đ) Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản cho người mua theo quy định. Việc giao tài sản cho người mua được thực hiện tại nơi có tài sản sau khi người mua đã hoàn thành việc thanh toán;

e) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc bán đấu giá tài sản, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản và báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao

Việc sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định của Chính phủ về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng chuyển giao.

Điều 29. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cũ để đầu tư xây dựng tài hạ tầng thủy lợi mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không sử dụng được theo công năng của tài sản;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

3. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ thì vật tư, vật liệu thu hồi được xử lý như sau:

a) Giao cho đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tiếp tục sử dụng nếu có nhu cầu. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp quyết định việc đưa vật tư thu hồi vào sử dụng (loại vật tư, thời hạn đưa vào sử dụng). Giá trị vật tư thu hồi đưa vào sử dụng được xác định theo giá trị đánh giá lại; được ghi thu - ghi chi ngân sách nhà nước và trừ vào dự toán của năm đưa vật tư vào sử dụng;

b) Điều chuyển;

c) Bán.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ quan được giao quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý, gửi cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gồm:

- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại, lý do thanh lý) theo Mẫu số 06/TSTL-DM ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng công trình đối với tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa: 01 bản sao;

- Hồ sơ, tài liệu khác liên quan: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, ban hành quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

- Tên cơ quan được giao quản lý tài sản;

- Danh mục tài sản thanh lý (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, lý do thanh lý);

- Hình thức thanh lý;

- Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý của cấp có thẩm quyền; cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Việc thanh toán tiền mua tài sản (nếu có) và nộp tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định này;

đ) Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm, báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 30. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại; báo cáo cấp có thẩm quyền tình trạng của tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Hồ sơ đề nghị xử lý gồm:

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán) theo Mẫu số 06/TSTL-DM ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Các hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại. Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:

- Tên cơ quan được giao quản lý tài sản;
- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại được ghi giảm tài sản (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ sách kế toán);
- Lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định này.

5. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì việc sử dụng số tiền bồi thường để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

Điều 31. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả tiền do doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác bồi thường) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản công do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xử lý;

b) Sở Tài chính nơi có tài sản đối với tài sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản xử lý.

3. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản trình cơ quan, cấp có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản phê duyệt.

4. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

- Chi phí kiểm kê, đo vẽ;
- Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ;
- Chi phí định giá và thẩm định giá;
- Chi phí tổ chức bán;
- Chi phí hợp lý khác có liên quan.

5. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ bán, thanh lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý nhà nước chuyên về thủy lợi có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức bán, thanh lý để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

8. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

9. Trường hợp số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản.

Mục 6

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 32. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tất cả tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đều phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, cơ quan quản lý tài sản công và được kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để quản lý thống nhất.

2. Cơ quan được giao quản lý tài sản có trách nhiệm thực hiện báo cáo kê khai như sau:

a) Hình thức báo cáo kê khai

- Kê khai lần đầu đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đang quản lý tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành;

- Kê khai bổ sung đối với thay đổi về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Kê khai bổ sung đối với thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý, khai thác tài sản.

b) Thời hạn báo cáo kê khai

- Đối với báo cáo kê khai lần đầu: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp giao cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

- Đối với báo cáo kê khai bổ sung: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

- Đối với báo cáo kê khai thay đổi thông tin về cơ quan quản lý: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thay đổi cơ quan quản lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Hàng năm, cơ quan được giao quản lý tài sản thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả số tiền thu được từ xử lý và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi) của năm trước và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các Mẫu số 03/TSTL-BC, 04/TSTL-BC, 05/TSTL-BC ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định như sau:

- Cơ quan được giao quản lý tài sản lập báo cáo gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp trước ngày 28 tháng 02 hàng năm;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên phạm vi cả nước gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm;

- Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong phạm vi cả nước báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

Điều 33. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước;

b) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy;

c) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được sử dụng làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt quyết toán, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý công trình và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

d) Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản công, phải được bảo đảm an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu;

đ) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải thực hiện theo đúng quy định; không được tự ý khai thác, sử dụng thông tin khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Nội dung, cấu trúc, phương thức nhập liệu và khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Bảo đảm tính tương thích, khả tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định giá quy ước để xác định giá trị tài sản khi thực hiện kế toán theo quy định;

b) Chủ trì xây dựng, ban hành chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên phạm vi cả nước để tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

d) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Hướng dẫn xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc tích hợp cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

c) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.



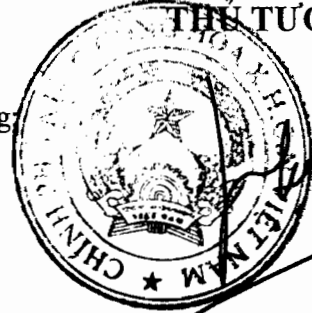
Điều 36. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2). *xh 104*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Nghị định số 129/2017/NĐ-CP
ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ)*

Mẫu số 01/TSĐT-BB	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Mẫu số 02/TSĐT-BC	Báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Mẫu số 03/TSĐT-BC	Báo cáo tình hình quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Mẫu số 04/TSĐT-BC	Báo cáo tình hình xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Mẫu số 05/TSĐT-BC	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Mẫu số 06/TSĐT-DM	Danh mục tài sản đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
Mẫu số 07/TSĐT-ĐA	Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Mẫu số 01/TSĐT-BB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Căn cứ Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của ... về việc⁽¹⁾;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm....., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà):Chức vụ:.....

Ông (Bà):Chức vụ:.....

B. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận⁽²⁾:

TT	Danh mục tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản theo tuyến thủy lợi)	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích đất (m ²) ⁽²⁾	Diện tích sàn sử dụng (m ²) ⁽³⁾	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng									
I	Đường thủy nội địa									
	Tài sản A									
	Tài sản B									

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:.....

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc giao tài sản/thu hồi tài sản/điều chuyển tài sản/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư)

(2) Diện tích đất kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

(3) Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mẫu số 02/TSĐT-BC

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

I. Nội dung báo cáo: Báo cáo kê khai lần đầu/Báo cáo kê khai bổ sung

II. Danh mục tài sản báo cáo:

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất (m2)	Sàn sử dụng (m2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
A	TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi ...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										
B	TÀI SẢN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi ...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi ...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: Là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ.

....., ngày..... tháng..... năm

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mẫu số 03/TSĐT-BC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Kỳ báo cáo:

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
A	TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										
B	TÀI SẢN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: Là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ.

....., ngày..... tháng..... năm

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mẫu số 04/TSĐT-BC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Kỳ báo cáo:....

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý	Quản lý, sử dụng số			Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên	Nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG														
A	TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP KHAI THÁC														
I	Công trình thủy lợi ...														
	Tài sản A														
	Tài sản B														
														
II														
B	TÀI SẢN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC														
I	Công trình thủy lợi ...														
	Tài sản A														
	Tài sản B														
														

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Hình thức xử lý	Quản lý, sử dụng số			Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)					Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên	Nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II														
C	TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC														
I	Công trình thủy lợi ...														
	Tài sản A														
	Tài sản B														
														
II														

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: Là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ.

....., ngày..... tháng..... năm

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mẫu số 05/TSĐT-BC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Kỳ báo cáo:....

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Thời hạn khai thác	Doanh nghiệp nhận khai thác	Quản lý, sử dụng số tiền			Số tiền ưu tiên thực hiện dự án	Ghi chú
				Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)						Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG														
A	TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP KHAI THÁC														
I	Công trình thủy lợi ...														
	Tài sản A														
	Tài sản B														
														
II														
B	TÀI SẢN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC														
I	Công trình thủy lợi ...														
	Tài sản A														
	Tài sản B														
														
II														

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Thời hạn khai thác	Doanh nghiệp nhận khai thác	Quản lý, sử dụng số tiền			Số tiền ưu tiên thực hiện dự án	Ghi chú
				Diện tích đất (m2)	Sàn sử dụng (m2)						Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
C	TÀI SẢN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI														
I	Công trình thủy lợi ...														
	Tài sản A														
	Tài sản B														
														
II														

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 5 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: Là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày... tháng ... năm 2017 của Chính phủ.
- Số tiền ưu tiên thực hiện dự án ghi theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ghi vào cột ghi chú văn bản phê duyệt dự án.

....., ngày..... tháng..... năm

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

Mẫu số 06/TSĐT-DM

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Hình thức xử lý: Thanh lý/ Điều chuyển/...

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất (m ²)	Sàn sử dụng (m ²)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG										
A	TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TRỰC TIẾP KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										
B	TÀI SẢN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm sử dụng	Diện tích		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tình trạng tài sản	Ghi chú
						Diện tích đất (m2)	Sàn sử dụng (m2)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	TÀI SẢN CHUYÊN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC										
I	Công trình thủy lợi...										
	Tài sản A										
	Tài sản B										
										
II										

Ghi chú:

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: Là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ.
- Số tiền ưu tiên thực hiện dự án ghi theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ghi vào cột ghi chú văn bản phê duyệt dự án.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07/TSĐT-ĐA

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

Số: /...-ĐA

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Phương thức khai thác:.....

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.
- Luật Thủy lợi năm 2004 và năm 2014.
- Nghị định số ... /2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản.
- Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản.
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đề xuất phương án khai thác tại Đề án.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đang được khai thác theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có): Quyết định số ngàytháng ... năm của...về việc...

- Danh mục tài sản khai thác (tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản).

- Phương thức, thời hạn khai thác tài sản.

- Nguồn thu từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước).

2. Phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Phương án khai thác tài sản

- Danh mục tài sản: Tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản; thời hạn khai thác tài sản.

- Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản/ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b) Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác

- Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản, số nộp ngân sách nhà nước.

- Dự kiến số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

**XÁC NHẬN
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/
ỦY BAN NHÂN DÂN.....**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mỗi Đề án được lập tương ứng với từng phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại Điều... Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ.